

NIỆM PHẬT
CHẮC CHẴN VÃNG SANH

Nguyên tác: Pháp sư Huệ Tịnh

Người dịch: Diệu Nguyên

Hiệu đính: Định Huệ

Niệm Phật chắc chắn vãng sanh

【越文淨土系列 教理隨身書】念佛必定往生

Nguyên tác	Pháp sư Huệ Tịnh
Người dịch	Diệu Nguyên
Hiệu đính	Định Huệ
Biên tập	Trung tâm dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang
Nơi xuất bản	Tịnh Độ Tông Văn Giáo Cơ Kim Hội
Địa chỉ	41, Alley 22, Lane 150, Sec.5, Shin-Yi Road, Taipei 11059, Taiwan
Điện thoại	+886-2-27580689
E-mail	amt@plb.tw

Printed in Taiwan in March 2021.

Ấn tống kinh sách miễn phí,
hoan nghênh nhận đọc, hoan nghênh hỗ trợ ấn tống.

— Nơi phiên dịch tại Việt Nam —

Trung tâm dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang
Địa chỉ : Số 116, đường Hòa Bình, phường Hòa Thạnh,
quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, 700 000
Điện thoại: + (84)366652268; +(84) 35782386
E-mail: bpd TinhDoVN@gmail.com

Lời tựa

Rất nhiều người do cảm nhận sâu sắc đời người là vô thường ngăn ngủi, nhiều đau khổ, lo buồn, mà tiến tới học Phật, mong mỗi có thể từ trong Phật pháp, vượt thoát sự trôi lăn trong luân hồi, sinh tử không làm chủ được. Thế nhưng, người học Phật thì nhiều, còn thực sự có thể đạt được thành tựu để an tâm lại khó kiếm được một người, đây là một điều mà chúng ta cần phải suy nghĩ cho kỹ.

Mọi người đều biết, thuốc không đúng bệnh thì bệnh tình khó thuyên giảm, đạo lý cũng như vậy. Hành giả lựa chọn pháp môn nếu trái ngược với căn cơ của mình thì khó tránh khỏi việc ‘Dã tràng se cát’, chỉ lần lữa hết thời gian, thậm chí tâm ý chán nản, thoái thất sơ tâm. Điều này đáng tiếc biết bao!

Đức Phật thuyết pháp có tám vạn bốn nghìn pháp môn, đại khái phân biệt có khó và dễ; nếu xét chúng sinh trong thời mạt pháp phiền não,

nghiệp chướng sâu nặng, sinh mạng ngắn ngủi, người trí đều biết phải bỏ khó mà chọn dễ.

Điều này cũng như thân bị bệnh nặng thì chẳng nên trèo non lội suối, lãng phí thời gian tổn hao sức lực, mà nên chọn con đường tắt để đi mau đến, để cầu thầy chữa bệnh. Thế nên, đức Phật dùng lòng đại bi đặc biệt vì chúng ta rộng khai mở pháp môn Tịnh độ, nhiếp thọ tất cả chúng sinh niệm Phật vãng sinh Tịnh độ không còn sót một ai.

Nhưng, người niệm Phật tuy nhiều song có thể khẳng định ‘bình sanh nghiệp thành’ để ngay trong cuộc sống bình thường an tâm niệm Phật thì lại rất ít. Suy xét nguyên nhân của việc này, phần nhiều đều là do lý giải văn kinh không được chính xác, ưu tư vì khó đạt đến ‘nhất tâm bất loạn’, khó biết tiêu chuẩn ‘thiện căn phước đức’ nên lo lắng không an, tình cảnh như thế khiến người gấp sách thả dài.

Đồng cảm sâu sắc với điều này nên pháp sư Huệ Tịnh bỏ tâm huyết trong mấy năm, đem giáo

pháp Tịnh Độ thuần chánh của đại sư Thiện Đạo bị thất truyền từ cuối đời Đường, Trung Quốc, chỉnh lý, trình bày, biên tập lại thành hàng loạt mục sách, để cho tất cả người học Phật, niệm Phật đều có thể nhân đây mà vén màn mây thấy ánh trăng, cùng được nhiếp thủ trong đại nguyện của đức Phật A-di-đà, cùng sinh về thế giới Cực Lạc, nơi 'không có các điều khổ chỉ hưởng những điều vui', vĩnh viễn được Bất thoái chuyển, thành tựu quả Phật.

Mạt học vừa thấy loạt tùng thư này, lòng rất vui mừng cho nên chẳng ngại kiến thức nông cạn, phát tâm đem những quyển sách nói về giáo pháp Tịnh Độ thuần chánh, về những vấn đề người mới học Phật còn nghi hoặc và quan tâm, trích dẫn, biên soạn lại thành hai quyển sách nhỏ 'Niệm Phật nhất định vãng sanh' và 'Niệm Phật một môn thâm nhập'. Nguyện cho tất cả người có duyên, dù bận rộn cũng có thể bỏ túi hai quyển sách này, tùy thời để đọc, không bị lệch hướng, xuôi vào cửa Tịnh Độ, nếm được pháp hỷ viên đốn, thù thắng, giản dị, ổn thỏa của pháp môn Tịnh Độ; trong sinh hoạt được an tâm niệm Phật.

Thứ nữa là không phụ lòng từ bi của đức Phật Thích-ca-mâu-ni đã tuyên giảng pháp môn Tịnh Độ, cũng là kế hợp với tay vàng rủ xuống và tiếng kêu gọi tha thiết của đức Phật Di-đà.

Nam-mô A-di-đà Phật!

Cư sĩ Tây Liên

27/07/2008 tại Ottawa, Canada.

MỤC LỤC

Lời tựa	5
Phần I. Niệm Phật chắc chắn vãng sanh	11
I. Mười niệm vãng sanh	12
II. Thí dụ ‘Tảng đá lớn nhờ thuyền’	15
III. Chân thật phát nguyện vãng sanh, chuyên xưng danh hiệu Phật, hoa sen ở Tịnh Độ hiện	19
IV. Phát nguyện vãng sanh là sự kết tinh của trí huệ	23
Phần II. Phải nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi nước kia	29
I. Phải nên phát nguyện, nguyện sanh về thế giới Cực Lạc	30
II. Thông thường, người ta hay hiểu lầm về ‘thiện căn phước đức nhân duyên’	32
III. Thế nào gọi là ‘thiện nam tử, thiện nữ nhân’	36
IV. Chấp trì danh hiệu là đa thiện căn, đa phước đức	37

V. Nhất tâm bất loạn	46
VI. Ba đoạn văn nói về hai tầng nhân quả là yếu chỉ của <i>kinh A-di-đà</i>	53
VII. Đối chiếu hai bản dịch <i>kinh A-di-đà</i>	59
VIII. Chúng sanh trong biển khổ	61
Phần III. Hành đạo không khó	69
I. Đạo khó hành và đạo dễ hành	70
II. Môn Thánh Đạo và môn Tịnh Độ	74
III. Môn Thánh Đạo là giáo pháp tu hành tự lực	79
IV. Môn Tịnh Độ là giáo pháp tín tâm tha lực	81
V. Lời của Đại sư Thiện Đạo được chứng thật	86
PHẦN PHỤ	89
Mười điều tâm niệm của người niệm Phật	90

Phần I.
Niệm Phật chắc chắn vãng sanh



I. Mười niệm vãng sanh

Trong *Ấn Quang Đại sư toàn tập*, phần ‘Vĩnh tu tập’, cư sĩ Vương Bách Linh có một đoạn tự thuật như sau:

Mùa đông năm Dân Quốc thứ hai mươi lăm, một lần tôi thổ huyết rất nhiều, khi ấy mạng sống chỉ còn trong hơi thở. Tuy nhiên, khi xét lại tâm mình thì tôi thấy, một là không hoang mang, hai là không sợ hãi, chỉ đáng tiếc là việc niệm Phật vẫn chưa được tốt.

Sau khi khỏi bệnh, tôi cùng với người bạn là một vị tăng đến Giang Tô, Chiết Giang hành hương lễ Phật. Đến Tô Châu đánh lễ Sư rồi trình bày về bệnh tình nguy kịch cũng như tâm trạng của mình. Sư nghe xong liền quát lớn:

‘Nếu ông nghĩ như vậy, thì không đến được Tây Phương đâu! Niệm như thế nào mới gọi là tốt, mười niệm vãng sanh’.

I. Mười niệm vãng sanh

Có vị cư sĩ họ Vương, vào mùa đông năm Dân Quốc thứ hai mươi lăm (1936), một lần bỗng thở ra nhiều huyết, mạng sống chỉ còn chút hơi thoi thóp, có thể chết bất cứ lúc nào. Khi ấy, tâm trạng của ông ra sao? Ông ta không hoang mang rối loạn, cũng chẳng sợ hãi.

Thông thường con người khi lâm chung, tâm thường sẽ bị chi phối nhiều bề, tinh thần không làm chủ được, đường trước mờ mịt, không nơi nương tựa. Nhưng tất cả những trạng thái ấy, vị cư sĩ này đều không gặp phải. Ngược lại, ông ta rất bình tĩnh. Ông chỉ băn khoăn một điều là tuy hàng ngày mình niệm ‘Nam mô A-di-đà Phật’ nhưng chưa được tịnh niệm tương tục, vẫn còn vọng tưởng xen tạp.

Sau khi khỏi bệnh, ông cùng với một vị tăng đến Giang Tô, Chiết Giang hành hương lễ Phật. Không biết lúc này Đại sư Ấn Quang đang bế quan trong chùa Báo Quốc ở Tô Châu hay ở chùa trên núi Linh Nham. Cuối cùng, ông ta đến Tô Châu đánh lễ Đại sư Ấn Quang rồi trình bày về

bệnh tình cũng như tâm trạng của mình. Đại sư Ấn Quang nghe xong, lập tức quát:

- Nếu như ông còn ôm khư khư cái thứ quan niệm này, thì e rằng không thể vãng sanh được!

- Niệm Phật như thế nào mới gọi là tốt?

- Mười niệm đã đủ để vãng sanh, sao lại có chuyện niệm tốt với không tốt? Huống hồ ông niệm Phật đâu phải chỉ có mười niệm.

Trong *Quán kinh* phần ‘Hạ phẩm hạ sanh’ nói: “Đây đủ mười niệm”.

Chúng ta niệm Phật đều hơn mười niệm, hiện tại đã là người niệm Phật thì đương nhiên chúng ta sẽ vãng sanh.

Chúng ta phải điều chỉnh tâm thái của mình, biết rằng mình chỉ là kẻ hạ phẩm hạ sanh khi lâm chung, cho nên hiện tại chỉ cần niệm Phật ‘cho đến mười niệm’.

(*Bài thứ tám, nghĩa của điều nguyện thứ mười tám*
Ngày 16 tháng 10 năm 2005)

II. Thí dụ ‘Tảng đá lớn nhờ thuyền’

Kinh Na Tiên tỳ-kheo có một thí dụ ‘Tảng đá lớn nhờ thuyền’.

Có vị quốc vương đến gặp một vị A-la-hán xin được chỉ dạy Phật pháp. Quốc vương hỏi vị A-la-hán:

- Nếu có người suốt đời không có duyên gặp Phật pháp, không biết học đạo tu hành, cũng không gặp được thiện duyên để hành thiện tích đức, trái lại chỉ gặp người ác, cảnh xấu, nên người đó cả đời tạo nhiều nghiệp ác như: Thập ác, ngũ nghịch, phi báng chánh pháp, không biết hổ thẹn. Lẽ ra người đó phải đọa vào địa ngục A-tỳ. Thế nhưng, khi lâm chung, nếu người ấy khởi tâm niệm mấy câu Phật hiệu thì có thể thoát khỏi nghiệp địa ngục mà vãng sanh Tịnh Độ, tôi không tin là có đạo lý này.

Vị quốc vương lại nói:

- Có người, bình sanh chỉ sát hại một sinh mạng, sau khi chết phải đọa vào địa ngục, tôi cũng không tin lại có thứ đạo lý này.

Vị A-la-hán nghe quốc vương nói xong thì ung dung hỏi:

- Nếu đại vương đem thả một viên đá nhỏ trên mặt nước thì nó nổi hay chìm?

Quốc vương đáp:

- Đương nhiên là chìm, vì đá là đá thì bất kể to hay nhỏ, nếu thả xuống nước thì nó đều chìm đến đáy.

Vị A-la-hán lại hỏi:

- Nếu để một trăm hòn đá lên trên thuyền thì nó có chìm không?

Quốc vương đáp:

- Đương nhiên là không chìm, bởi vì nó được đặt lên trên thuyền.

Vị A-la-hán liền nói:

- Lý đạo cũng như vậy. Một người cả đời làm nhiều việc ác, tội nghiệp vô cùng sâu nặng, cũng

II. Thí dụ 'Tảng đá lớn nhờ thuyền'

giống như một trăm hòn đá kia, lẽ ra nhất định phải chìm xuống tận đáy nước, nổi là việc không bao giờ có. Thế nhưng, khi lâm chung nếu người ấy niệm Phật, nương vào nguyện lực từ bi cứu độ của Phật thì sẽ thoát khỏi tội đọa vào địa ngục A-tỳ, cũng giống như để một trăm hòn đá lớn lên trên thuyền cũng không thể chìm được.

Còn một người cả đời chỉ sát hại một sinh mạng, tội nghiệp như thế không phải là nặng, nhưng vì người này không nương tựa vào sức cứu độ của Phật, cho nên theo nghiệp lực mình đã tạo mà phải đọa vào địa ngục. Cũng giống như viên đá tuy nhỏ, nhưng nếu không được để lên thuyền thì rốt cuộc cũng bị chìm xuống đáy biển.

Quốc vương nghe xong thí dụ này liền hoát nhiên đại ngộ, từ đó tin tưởng niệm Phật có thể vãng sanh Tịnh Độ.

Thế giới Ta-bà còn gọi là 'đời ác ngũ trước'. Chúng sanh trong cõi này trong tâm đều chất đầy chủng tử nghiệp lực tham, sân, si, mạn, nghi, chỉ khác là có người thiện nhiều ác ít, có người ác

nhiều thiện ít, thậm chí có người suốt đời chỉ tạo ác chưa từng hành thiện tích đức. Thế nhưng, tuyệt đối không hề có người nào cả đời chỉ hành thiện, tích đức mà chưa từng làm qua việc xấu. Thế nên, sở dĩ chúng sanh sanh ra ở thế giới Ta-bà này là đều do cùng có cộng nghiệp, cùng một bản chất.

Cho nên, chúng ta là người học Phật, nhất là người tu học pháp môn Tịnh Độ, phải tự thấy mình là một chúng sanh tội ác, sống trong đời ác ngũ trược, cũng giống như thí dụ hòn đá lớn vừa nói ban nãy. Nhất định phải nương vào thuyền bản nguyện của Đức Phật A-di-đà thì mới có thể từ bờ sanh tử bên này, vượt qua biển khổ lục đạo tới bờ Niết-bàn bên kia được.

Bất luận là người nào, bất kể tu pháp môn gì, nếu không nương vào Phật lực thì cũng đều giống như viên đá, cuối cùng sẽ chìm xuống đáy biển, tiếp tục luân hồi.

(Bài khai thị thứ nhất cho liên hữu ở Môn Nam của

Pháp sư Huệ Tịnh -

Ngày 25 tháng 03 năm 2006)

III. Chân thật phát nguyện vãng sanh, chuyên xưng danh hiệu Phật, hoa sen ở Tịnh Độ hiện

Lại nữa:

**Chân nguyện vãng sanh, chuyên xưng
Phật danh, kỳ tâm quyết định, Tịnh Độ
liên hoa, hiện kỳ sắc tướng.**

*Chân thật phát nguyện vãng sanh, chuyên
xưng danh hiệu Phật, tâm ấy vừa quyết định
thì hoa sen ở Tịnh Độ hiện ra.*

‘Chân nguyện vãng sanh’, nghĩa là từ trong tâm chân thật phát nguyện vãng sanh về cõi Tịnh Độ của Đức Phật A-di-đà, chứ không phải chỉ nói suông ở cửa miệng mà thôi. Nếu hiện tại phát nguyện vãng sanh, nhưng lúc lâm chung nếu bị chống hoặc vợ lưu luyến, liền nói:

- Khi tôi đi theo Đức Phật A-di-đà rồi, không biết vợ tôi sẽ thế nào? Chống tôi sẽ ra sao?

Đó không phải là chân thật phát nguyện vãng sanh.

Cho nên, người tu Tịnh Độ chuyên xưng danh niệm Phật, nếu tâm quyết định thì quyết định được vãng sanh; tâm không quyết định thì việc vãng sanh sẽ không quyết định. Nếu tâm người ấy quyết định, thì ngay khi đó ở thế giới Cực Lạc, hoa sen của chúng ta liền xuất hiện. Không những thế, trên hoa sen còn ghi rõ họ tên và hình ảnh của chúng ta. Do đó, tuy thân chúng ta còn ở Ta-bà, nhưng hình ảnh của chúng ta đã ở trong hoa sen trên cõi Cực Lạc rồi.

Lệ như Tu-đạt, tương tạo Kì Viên, tâm quyết định thời, ư hư không trung, hiện thiên cung điện.

Thí như trưởng giả Tu-đạt, lúc sắp xây dựng tinh xá Kì Viên, khi trong tâm ông vừa quyết định thì trên hư không liền xuất hiện cung điện.

Đây là một đoạn điển cố: Thời xưa ở Ấn Độ, có một vị trưởng giả tên là Tu-đạt phát tâm lấy

vàng trải khắp trên đất, rồi lấy đất này xây dựng tinh xá Kỳ Viên cúng dường cho Đức Phật Thích-ca-mâu-ni. Ông cùng với ngài Xá-lợi-phất đo diện tích đất để làm giảng đường. Hai người trừ tính nó phải lớn thế nào, dài bao nhiêu, rộng thế nào và hình thức ra sao. Trong lúc đang đo đạc, ngài Xá-lợi-phất bất tri bất giác cảm động sự phát tâm của trưởng giả Tu-đạt. Ngài nói:

- Trưởng giả Tu-đạt! Nay ông đã phát tâm, ông có muốn biết rõ về công đức của mình như thế nào không?

Sau đó, ngài Xá-lợi-phất lấy ngón tay chỉ lên hư không, trong khoảng sát-na, ở mỗi tầng trời cõi Lục Dục đều hiện ra cung điện để trưởng giả Tu-đạt có thể sanh về đó. Tinh xá Kỳ Viên vẫn chưa xây! Mới chỉ đo đạc thôi mà quả báo của trưởng giả Tu-đạt đã thành tựu rồi.

Trưởng giả Tu-đạt nói:

- Chao ôi, thưa Tôn giả! Nhiều như vậy thì rốt cuộc về tầng trời nào mới tốt?

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Ba tầng trời phía dưới đều hưởng dục lạc, hai tầng trời phía trên thì kiêu mạn, chỉ có tầng trời thứ tư (trời Đâu-suất) có Bồ-tát Nhất sanh bồ xứ giảng kinh thuyết pháp, cho nên người sanh về đó vẫn còn có thể tiếp tục tu hành.

Trưởng giả Tu-đạt nói:

- Vậy thì con muốn sanh về cung trời Đâu-suất!

Khi ông vừa khởi lên tâm niệm này thì chỉ trong nháy mắt, tất cả cung điện của các cõi trời khác đều ẩn hết, chỉ còn lại cung điện của trời Đâu-suất.

Nhân quả là như vậy, cho nên nói: ‘Thiện có thiện báo, ác có ác báo’. Chúng ta cũng vậy, vừa khởi một niệm muốn văng sanh, thì ở thế giới Cực Lạc đã có hoa sen của chúng ta rồi.

(“Phán định về hai đường khó và dễ”
trong *Huệ Tĩnh Pháp sư giảng diễn-tập 1*, tr. 151-153)

IV. Phát nguyện vãng sanh là sự kết tinh của trí huệ

Triều Tống, có một vị xuất gia nổi tiếng, cũng là một vị cao tăng thời bấy giờ, đó là Luật sư Nguyên Chiếu. Ngài xuất gia từ thuở nhỏ, là người tinh nghiêm giới luật, học vấn uyên bác, trí huệ hơn người.

Một lần, ngài đọc được hành trạng của Thiên sư Huệ Bối, thời đại Bắc Triều. Bản thân Thiên sư Huệ Bối là người tu trì rất nghiêm cẩn, rất thanh tịnh. Thiên sư cho rằng, vãng sanh về thế giới Cực Lạc là để hưởng lạc, chẳng bằng phát tâm đại bi ở trong tam ác đạo cứu độ các chúng sanh thống khổ. Đó chẳng phải là phù hợp với bản hoài của Đức Phật Thích-ca-mâu-ni và phù hợp với ý nghĩa của việc học Phật sao? Luật sư Nguyên Chiếu bị ảnh hưởng khi đọc đến đoạn văn này. Ngài cũng phát nguyện không vãng sanh về thế giới Cực Lạc, mà ở trong tam ác đạo để cứu độ chúng sanh.

Từ đó về sau, hễ thấy người niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc là ngài hủy báng, coi thường, cho những người này là trốn tránh, là Tiểu thừa.

Rồi một ngày, ngài lâm trọng bệnh, đau đớn vô cùng, thần thức mờ mờ mịt mịt. Khi ấy, ngài không có cách nào khởi được tâm đại bi, cũng không có biện pháp nào tư duy được nghĩa *không* bất tăng bất giảm. Lúc này, ngài mới phát hiện ra rằng, cái gọi là ‘tâm nguyện’ từ bấy lâu nay của mình, thực ra là vô cùng mỏng manh, hời hợt. Quan niệm ấy không phù hợp với căn cơ của mình. Pháp không hợp cơ, giả sử lúc đó mình chết, không biết rồi sẽ đi đâu?

Sau khi khỏi bệnh, ngài vô cùng ăn năn, dốc lòng sám hối những quan niệm trước kia của mình. Về sau, ngài đọc được tác phẩm *Tịnh Độ thập nghi luận* của Đại sư Trí Giả tông Thiên Thai, trong đó nói: “Bồ-tát sơ phát tâm, chưa đắc Vô sanh pháp nhẫn, vẫn cần phải luôn luôn ở bên Phật”.

Ý của câu văn này nghĩa là, cần phải vãng sanh về thế giới Cực Lạc trước để được thân cận Đức

Phật A-di-đà. Như thế, chẳng những không bị thoái chuyển mà còn tiến dần lên quả vị Phật.

Lại nữa, trong *Tịnh Độ thập nghi luận* nói: “Phàm phu đầy phiền não, mặc dù có tâm đại bi, muốn phát nguyện ở thế giới Ta-bà cứu độ chúng sanh thống khổ, nhưng việc này không thể làm được. Giống như đứa trẻ sơ sanh, cần phải được chăm sóc tốt. Nếu rời cha mẹ, đứa trẻ không thể nào trưởng thành được mà có thể sẽ chết; hoặc giống như con chim non, nhất định phải nương vào cành cây, không thể đem tung nó lên bầu trời như con chim đã trưởng thành được”.

Luật sư Nguyên Chiếu vô cùng tán thành, ngài biết quan niệm của mình là sai lầm, liền vứt bỏ hết những sở học trước đây. Từ đó về sau, ngài chuyên đọc kinh luận Tịnh Độ, chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà, trọn đời chẳng dám xa rời pháp môn này.

Về sau, ngài lại đọc được lời khai thị của Đại sư Thiện Đạo: “Phàm người chuyên tu niệm Phật, mười người tu mười người vãng sanh, trăm người

tu trăm người vãng sanh; nhưng nếu tạp tu thì e rằng trong trăm người chẳng được một, hai người vãng sanh, trong nghìn người chẳng có được năm, ba người vãng sanh”.

Luật sư Nguyên Chiếu liền y cứ vào lời khai thị của Đại sư Thiện Đạo, chuyên niệm một câu ‘Nam-mô A-di-đà Phật’.

Bởi thế, cho nên nói: Chuyên niệm câu ‘Nam-mô A-di-đà Phật’ cầu vãng sanh Cực Lạc là sự kết tinh trí huệ một đời học Phật của Luật sư Nguyên Chiếu.

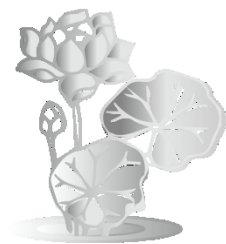
Quan điểm về giá trị của người học Phật và người thế tục không giống nhau. Người thế tục thường đem việc kiếm tiền nhiều hay ít, địa vị thế nào, học vấn ra sao ra để đánh giá, nhưng tiêu chuẩn của người học Phật thì ngược lại.

Người học Phật thường nói: Phải biết có nhân quả báo ứng, lục đạo luân hồi, coi việc giải thoát sanh tử luân hồi là việc tối trọng yếu của đời người. Như thế, dầu cho không được học hành, cũng chẳng biết chữ nhưng Đức Phật Thích-ca cũng

khen ngợi đó là người có trí huệ. Bằng không, dù cho có vài cái bằng học vị tiến sĩ loại giỏi, Đức Phật cũng bảo người đó là kẻ ngu si.

(“Ba đoạn văn nói về hai tầng nhân quả”
trong *Tiểu kinh*-Ngày 23 tháng 02 năm 2004)

Phần II.
Phải nên phát nguyện,
nguyện sanh về cõi nước kia



I. Phải nên phát nguyện, nguyện sanh về thế giới Cực Lạc

Tông chỉ của *kinh A-di-đà* là khuyên chúng ta nên vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Chẳng những Đức Phật A-di-đà là giáo chủ của thế giới Cực Lạc mà Ngài còn thành Phật đến nay đã mười kiếp. Ngài luôn luôn duỗi tay mời gọi, van xin chúng ta hãy để Ngài cứu độ về thế giới Cực Lạc. Trong nhiều bộ kinh, Đức Phật Thích-ca-mâu-ni cũng khuyên nhủ chúng ta nhất định phải phát nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Thí như *kinh A-di-đà* là bộ kinh rất ngắn, chỉ có một nghìn tám trăm năm mươi tám chữ, nhưng có tới ba lần Đức Phật Thích-ca-mâu-ni ân cần, khẩn thiết khuyên chúng ta nhất định phải vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

Đoạn thứ nhất, khuyên vãng sanh:

**Chúng sanh văn giả, ứng đương phát
nguyện, nguyện sanh bỉ quốc.**

*Chúng sanh nghe rồi, phải nên phát nguyện
sanh về cõi nước kia.*

Đoạn thứ hai:

**Văn thị thuyết giả, ưng đương phát
nguyện, sanh bỉ quốc độ.**

*Nghe lời ấy rồi, phải nên phát nguyện, sanh
về cõi nước kia.*

Đoạn thứ ba:

**Nhược hữu tín giả, ưng đương phát
nguyện, sanh bỉ quốc độ.**

*Nếu có người tin, phải nên phát nguyện, sanh
về cõi nước kia.*

Có thể nói, lòng từ bi của Đức Phật Thích-ca-mâu-ni là vô cùng sâu sắc. Ngài nhiều lần nhấn mạnh, khuyên bảo, mong muốn chúng ta nhất định phải vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

(“Hai văn giải thích về kinh A-di-đà”
trong *Huệ Tĩnh pháp sư giảng diễn-tập 1*, tr. 50-51)

II. Thông thường, người ta hay hiểu lầm về ‘thiện căn phước đức nhân duyên’

Phương pháp vãng sanh về thế giới Cực Lạc theo ý tiêu cực ở trên mà nói là: **‘Bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc’** (*Không thể đem chút ít thiện căn phước đức nhân duyên, mà được sanh về cõi nước kia*). Vậy thì, ý nghĩa của mười bốn chữ này là thế nào?

Thông thường người ta hay giải thích: Thiện căn là chỉ cho Bồ-đề tâm, phước đức là chỉ cho lục độ vạn hạnh. Lấy thiện căn của Bồ-đề tâm làm nhân, lấy phước đức của lục độ vạn hạnh làm duyên, nhân duyên hòa hợp thì mới có thể vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

Thế nhưng, lại ‘không thể đem chút ít thiện căn’ thì nhất định phải nhiều, nghĩa là ‘đa thiện căn’, tức là phải phát tâm vô thượng Bồ-đề. Như vừa nói, thiện căn thường được giải thích là Bồ-đề tâm, thế nhưng lại ‘không thể dùng chút ít Bồ-đề tâm’, vậy

thế nào gọi là ít? Người đã đắc quả vị A-la-hán, cũng thuộc về ‘thiện căn’. Bởi vì người này không phát Bồ-đề tâm, không hành Bồ-tát đạo, cho nên không thể thành Phật.

Vãng sanh về thế giới Cực Lạc là để thành Phật. Thông thường, người ta hay giải thích là người tu hành, nhất định phải tự mình phát tâm vô thượng Bồ-đề để làm nhân vãng sanh; đã phát tâm Bồ-đề thì nhất định phải hành Bồ-tát đạo, do đó phải rộng tu lục độ vạn hạnh, đây gọi là phước đức. Lấy nhân ‘tâm vô thượng Bồ-đề’, cộng với duyên ‘phước đức lục độ vạn hạnh’, nhân duyên hòa hợp mới đủ để được vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

Góc độ giải thích này không hề sai, nhưng chúng ta cần hiểu cho rõ ràng. Theo sự giải thích như trên, thì chúng sanh nhất định phải tự mình tích lũy, thành tựu phước đức nhân duyên của tâm Bồ-đề, cộng với lục độ vạn hạnh. Còn đối với chúng ta, phước đức là do Đức Phật A-di-đà tích lũy, thành tựu, then chốt của vấn đề là ở chỗ này.

(“Hai văn giải thích về kinh A-di-đà”
trong *Huệ Tĩnh pháp sư giảng diễn-tập 1*, tr. 51-52)

Ghi chú:**Các văn giải thích khác về câu kinh:**

‘Bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc’

Không thể đem chút ít thiện căn phước đức nhân duyên, mà được sanh về cõi nước kia.

**1-Phạn văn, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư
Huyền Trang**

Chẳng phải nhờ chút ít thiện căn mà các loài hữu tình được vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

**2-Phạn văn, Anh dịch: Nhà ngôn ngữ học
Mục-lặc (Muller)**

Chúng sanh không thể dựa vào các việc làm thiện ở thế gian này mà được sanh về cõi nước kia.

3-Phạn văn, Nhật dịch: Học giả Phật giáo Trung Thôn Nguyên

Không thể đem chút ít việc thiện, mà mong được vãng sanh về cõi nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

4-Tạng văn, Nhật dịch: Học giả Phật học Tự Bản Uyển Nhã

Không thể đem chút ít thiện căn, mà mong được vãng sanh về cõi nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

III. Thế nào gọi là ‘thiện nam tử, thiện nữ nhân’

Chúng ta hãy xem lại câu kinh dưới đây:

Xá-lợi-phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe nói đến Đức Phật A-di-đà, rồi chấp trì danh hiệu.

Đây chính là đáp án cho câu hỏi ở trên về ‘thiện nam tử, thiện nữ nhân’. Thiện nam tử, thiện nữ nhân được nói ở đây, là bao gồm tất cả người xuất gia, người tại gia, người thiện, người ác, thậm chí cả chúng sanh trong tứ sanh, lục đạo. Chỉ cần người đó nghe đến danh hiệu Đức Phật A-di-đà, từ đó về sau nhất hướng chuyên xưng danh hiệu Phật, thì đều được gọi là ‘thiện nam tử, thiện nữ nhân’. Cho nên, ‘mười phương chúng sanh’ được nói trong điều nguyện thứ mười tám của Đức Phật A-di-đà chính là thiện nam tử, thiện nữ nhân.

(“Hai văn giải thích về kinh A-di-đà”
trong *Huệ Tịnh pháp sư giảng diễn*- tập 1, tr. 52-53)

IV. Chấp trì danh hiệu là đa thiện căn, đa phước đức

‘Mười phương chúng sanh nghe nói đến Đức Phật A-di-đà’.

‘Nghe nói đến Đức Phật A-di-đà’ ở đây, không phải chỉ là nghe người ta niệm một tiếng A-di-đà Phật, mà gọi là nghe nói đến Đức Phật A-di-đà đâu, không phải như vậy! Mà là nghe thiện tri thức giảng giải về nguyên do, về nội dung cứu độ mười phương chúng sanh trong điều nguyện thứ mười tám của Đức Phật A-di-đà, rồi người đó trong tâm tin đạo lý nhân quả này, đây mới gọi là ‘nghe nói đến Đức Phật A-di-đà’. Nghĩa là trong tâm người ấy ‘tin nhận Di-đà cứu độ’ và ‘nguyện sanh Di-đà Tịnh Độ’, sau đó ‘chuyên xưng Di-đà Phật danh’. Đây là tin nhận tại nơi tâm, cũng gọi là ‘chấp trì danh hiệu’.

‘Chấp’ trong chấp trì, nghĩa là tin tưởng kiên định, không thay đổi; ‘trì’ là không tan, không mất.

Ý nói, trong tâm tin nhận đạo lý này một cách vĩnh viễn không hoài nghi, không thay đổi, cũng tức là hoàn toàn tin nhận Di-đà cứu độ, nguyện sanh Di-đà Tịnh Độ, chuyên xưng Di-đà Phật danh, đây gọi là ‘chấp trì’. Trong tâm tin nhận sự cứu độ của Đức Phật A-di-đà, ngoài miệng tự nhiên xưng niệm danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật. Cho nên gọi là ‘đa thiện căn, đa phước đức’, chính là ‘nghe nói đến Đức Phật A-di-đà, rồi chấp trì danh hiệu’.

Cũng như nói, người muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc nhất định phải là hạng đa thiện căn, đa phước đức. Thật ra, đa thiện căn, đa phước đức vốn đã được chứa đựng hết trong câu danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật, mà Ngài đã hoàn thành cho chúng ta. Nếu trong tâm chúng ta tin nhận, ngoài miệng xưng niệm, thì tự nhiên chúng ta sẽ được đầy đủ đa thiện căn, đa phước đức.

Vì thế, xét trên phương diện này thì đa thiện căn, đa phước đức không phải do chúng ta tích lũy, mà là do Đức Phật A-di-đà tích lũy. Chúng ta chỉ

cần xưng niệm danh hiệu Ngài, nguyện sanh về cõi Tịnh Độ của Ngài là được rồi.

Đại sư Liên Trì nói: “Xưng niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà là thiện trong thiện, là phước trong phước”. Lại nói: “Chấp trì danh hiệu, nguyện thấy Đức Phật A-di-đà là đa thiện căn, là thiện căn tối thắng, thiện căn bất khả tư nghị”, đây là lời giải thích của Đại sư Liên Trì.

Đại sư Ngẫu Ích giải thích: “Chỉ cần tin nhận Di-đà, nguyện sanh Cực Lạc, chấp trì danh hiệu thì mỗi niệm, mỗi niệm đều đầy đủ đa thiện căn, đa phước đức”. Như vậy, chỉ cần chúng ta ‘chuyên xưng danh hiệu Phật A-di-đà’ là hiển nhiên trở thành người đa thiện căn, đa phước đức.

**Bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức
nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc.**

*Chẳng thể dùng chút ít thiện căn phước đức
nhân duyên mà được sanh vào cõi nước kia.*

Đây là đoạn kinh văn trong *kinh A-di-đà* do ngài Cưu-ma-la-thập phiên dịch đang được phổ

biến thọ trì, và nay đã tìm thấy bản tiếng Phạn của kinh này, nếu phiên dịch ra chữ Hán thì cũng phải là mười bốn chữ, học giả đã phiên dịch như sau, mong mọi người hãy chú ý.

**Chúng sanh bất nhân thử thế sở tố
thiện hạnh, đắc sanh bỉ quốc.**

*Chúng sanh không thể nhờ vào các việc thiện
ở thế gian này, mà được sanh về cõi nước kia.*

Khẳng định rằng mười phương chúng sanh muốn văng sanh về thế giới Cực Lạc thì nhất định phải nương vào công đức của Đức Phật A-di-đà, chứ không thể dựa vào các việc làm thiện của chính họ. Câu kinh ngài Cưu-ma-la-thập phiên dịch là ‘thiện căn, phước đức nhân duyên’, bản tiếng Phạn chỉ có hai chữ ‘thiện hạnh’, lấy thiện hạnh để bao gồm cả thiện căn, phước đức.

Ở đây không nói là chúng ta niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thì không cần phải hành thiện tích đức, không cần hiếu thuận phụ mẫu, phụng sự sư trưởng; đồng thời, cũng không bảo chúng ta

chẳng cần tu lục độ vạn hạnh. Ý muốn nói rằng đương nhiên chúng ta phải làm tròn bốn phận, phải hiếu thuận phụ mẫu, phụng sự sư trưởng. Còn lục độ vạn hạnh thì tùy duyên, tùy phần mà tu, cũng là việc chúng ta đương nhiên phải làm.

Còn như muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc thì nhất định phải nương vào sức công đức của Đức Phật A-di-đà, chuyên xưng danh hiệu Phật, mà chúng ta không cần phải đem những việc làm ở thế gian để hồi hướng. Bởi vì, những việc đó đều không được gọi là đa thiện căn, đại thiện căn, thiện căn thù thắng, thiện căn phước đức bất khả tư nghị được, mà những việc đó đều là thiếu thiện căn, thiếu phước đức. Chỉ có công đức tu hành được tích lũy qua nhiều kiếp của Đức Phật A-di-đà, mới được gọi là thiện căn, phước đức thù thắng, tối thượng.

Chúng ta muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc, thế giới ấy được kiến tạo bởi tâm chân thực, tâm thanh tịnh của Đức Phật A-di-đà, đó là cảnh giới vô ngã, Niết-bàn bất sanh bất diệt.

Phàm phu chúng ta đây dẫy tham sân si, làm sao có thể tiến vào cõi nước đó? Nhân quả không phù hợp, không tương ứng, nhất định phải nhờ công đức thiện căn vô ngã, vô lậu của Đức Phật A-di-đà mới có thể tiến vào thế giới Cực Lạc. Do đó, *kinh A-di-đà* nói: Chúng ta phải ‘nghe nói đến Đức Phật A-di-đà’ rồi sau đó mới ‘chấp trì danh hiệu’, đạo lý chính là ở chỗ này. Vì sao? Vì Đức Phật A-di-đà kiến tạo thế giới Cực Lạc, Ngài nhất định phải hoàn thành công đức vãng sanh cho chúng ta, sau đó hồi hướng hết cho chúng ta.

Kinh Vô Lượng Thọ nói:

Ngã ư vô lượng kiếp

Bất vi đại thí chủ

Phổ tế chư bản khổ

Thệ bất thành Chánh giác.

Nghĩa là:

Ta ở vô lượng kiếp

Không làm đại thí chủ

Cứu khắp người nghèo khổ

Thề không thành Chánh giác.

Đây là thệ nguyện của Đức Phật A-di-đà. Ngài nói: “Ta từ vô lượng kiếp đến nay đều làm một đại thí chủ”, vì vậy, Đức Phật A-di-đà còn có tên gọi khác là ‘Đại thí chủ’ (người bố thí lớn). Đức Phật A-di-đà bình đẳng cứu độ chúng sanh nghèo khổ ở khắp mười phương. Chúng ta khi còn ở thế gian này, phải chịu đủ mọi bần cùng khổ khổ, sau khi chết lại phải chịu luân hồi trong sáu nẻo, khổ không thể nói hết được! Đức Phật A-di-đà nhất định phải làm một đại thí chủ đến cứu độ chúng ta.

Từ khía cạnh này mà nói, công đức là do Đức Phật A-di-đà mang lại, cho nên gọi là Phật lực. Chúng ta nhờ niệm Phật, nương vào Phật lực mà được vãng sanh Cực Lạc.

Ngoài ra, có một đoạn kinh văn, Đức Phật A-di-đà nói:

Vì chúng khai pháp tạng, quảng thí công đức bảo.

Vì chúng sanh khai tạng pháp, rộng thí báu công đức.

Đức Phật A-di-đà vì mười phương chúng sanh chúng ta mà mở tạng pháp vãng sanh thành Phật, cho nên nói ‘vì chúng khai tạng pháp, rộng thí báu công đức’. Bởi rộng lớn công đức quý báu cho chúng ta, khuyên chúng ta phải lìa khỏi Ta-bà, vãng sanh Cực Lạc mà thành tựu Phật quả.

Một đoạn khác trong *kinh Vô Lượng Thọ* nói:

Linh chư chúng sanh, công đức thành tựu.

Khiến các chúng sanh, thành tựu công đức.

Là Đức Phật khiến cho mười phương chúng sanh, thành tựu công đức vãng sanh thành Phật.

Một đoạn khác trong *kinh Vô Lượng Thọ* lại nói:

Đĩ bất thỉnh chi pháp, thí chư lê thứ.

Dùng pháp không thỉnh, ban cho tất cả mọi người.

Đức Phật A-di-đà lấy pháp vãng sanh mà mười phương chúng sanh chúng ta không hiểu nổi, nhưng có thể lãnh thọ được để đem ra bố thí cho

chúng ta. Do đó, đối với chúng ta, pháp môn này gọi là pháp môn Di-đà cứu độ. Chúng ta tin nhận pháp môn Di-đà cứu độ, cũng có nghĩa là chúng ta tin nhận pháp môn chuyên xưng danh hiệu Đức Phật A-di-đà.

(“Hai văn **giải** thích về kinh A-di-đà”
trong *Huệ Tịnh pháp sư giảng diễn* - tập 1, tr. 53-58)

V. Nhất tâm bất loạn

Nay giải thích về ‘nhất tâm bất loạn’.

Có rất nhiều trứ tác đều giải thích ‘nhất tâm bất loạn’ là chúng sanh niệm Phật phải đạt đến công phu nhất tâm bất loạn. Ví như phải đạt đến ‘sự nhất tâm bất loạn’, thậm chí có thể là ‘lý nhất tâm bất loạn’ tức là cảnh giới cao tột. Nếu không, chí ít cũng phải đạt đến ‘công phu thành thiền, khi thức cũng như trong mộng đều như một, tịnh niệm tương tục’.

Kỳ thật, giải thích như vậy là hoàn toàn sai lầm. Đây là đem giáo lý thông thường ra để giải thích về giáo lý Tịnh Độ. Thực ra, ý nghĩa ‘nhất tâm bất loạn’ ở đây rất đơn giản và cũng hoàn toàn phù hợp với câu nói: ‘Chúng ta nghe nói đến Đức Phật A-di-đà, trong tâm tin nhận Di-đà cứu độ, ngoài miệng xưng niệm danh hiệu A-di-đà Phật, hoặc một ngày... cho đến bảy ngày’.

‘Hoặc một ngày... hoặc bảy ngày’ ở đây là chỉ cho mạng sống của chúng ta, tùy theo mạng sống của chúng ta kéo dài được bao lâu mà chuyên xưng câu danh hiệu này. Nếu mạng sống của chúng ta chỉ còn một ngày, thì chuyên niệm danh hiệu một ngày; nếu mạng sống của chúng ta còn bảy ngày, thì chuyên niệm danh hiệu bảy ngày; nếu mạng sống của chúng ta còn bảy tháng, bảy năm hay bảy mươi năm, thì chúng ta phải suốt đời niệm câu danh hiệu này mà không cần phải nhờ vào các công hạnh khác. Tuy chúng ta có tích lũy các thiện căn, phước đức khác, nhưng không thể nhờ vào một chút thiện căn, phước đức ấy mà được vãng sanh, bởi vì nó không đủ, mà vãng sanh đều phải nương vào câu danh hiệu ‘Nam-mô A-di-đà Phật’.

Xưng niệm danh hiệu cũng tùy thuộc vào căn tính của chúng ta. Căn tính của mỗi người mỗi khác, dù là trí thức, nông dân, công nhân hay thương gia, nhưng đều đem cương vị và trình độ của mình ra mà niệm Phật là tốt rồi. Có khả năng niệm vài vạn câu thì niệm vài vạn câu, không thể niệm vài vạn câu, chỉ niệm được vài nghìn câu, thì

niệm vài nghìn câu; có khả năng nhiều thì niệm nhiều, có khả năng ít thì niệm ít, nhưng hễ có thời gian thì liền xưng niệm câu danh hiệu này.

Còn như trong lúc đang niệm Phật, tâm có tán loạn hay không tán loạn, có vọng tưởng hay không có vọng tưởng, điều này không thành vấn đề. Bởi vì vãng sanh không phải nhờ vào công phu của chúng ta, cùng với việc có vọng tưởng tạp niệm hay không, có đạt đến công phu nhất tâm hay không đều chẳng liên quan. Đâu phải chúng ta nhất tâm mới vãng sanh, không nhất tâm thì chẳng thể vãng sanh; hoặc là nhất định lâm chung phải chánh niệm hiện tiền mới vãng sanh, không chánh niệm thì không thể vãng sanh. Hoặc lại nói, khi lâm chung phải có người trợ niệm mới vãng sanh, không có người trợ niệm thì không thể vãng sanh v.v..., ở đây không đề cập đến những điều đó, bởi vì tất cả đều là sức của Đức Phật A-di-đà. Chỉ cần chúng ta một lòng chuyên niệm danh hiệu Ngài, nguyện sanh về thế giới Cực Lạc, suốt đời không thay đổi thì khi lâm chung, Đức Phật A-di-đà tự nhiên sẽ hiện thân tiếp dẫn chúng ta

vãng sanh Cực Lạc, hoàn toàn không tồn tại vấn đề công phu có ‘nhất tâm bất loạn’ hay không.

Vì thế, ‘nhất tâm bất loạn’ ở đây chính là tâm chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà, chuyên tin Đức Phật A-di-đà không thay đổi, không tạp loạn, đây là ‘nhất tâm bất loạn’.

Nếu có người nói:

- Nay bạn! Anh A có một pháp môn đặc biệt thù thắng! Bạn đến học chứ!

Chúng ta cũng chẳng hiếu kỳ, vì bất luận pháp môn nào cũng đều không bằng câu danh hiệu A-di-đà Phật của chúng ta. Chỉ cần một câu danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật này đã có đầy đủ vạn đức, việc vãng sanh của chúng ta lập tức thành tựu, chẳng cần phải nhờ vào các công hạnh khác. Sở dĩ chúng ta không hiếu kỳ, không động loạn là bởi chúng ta có tâm tin nhận đối với Đức Phật A-di-đà, đây gọi là ‘nhất tâm bất loạn’.

Hiện tại, phiền não, vọng tưởng tạp niệm của chúng ta khởi lên, chúng ta cũng đừng vì thế mà lo lắng, cho rằng:

- Hồng hét rồi! Ta muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc mà lại có những tâm niệm này thì Đức Phật A-di-đà làm sao có thể cứu độ ta! Liệu Ngài có bỏ rơi ta không?

Hoàn toàn không nên và không cần phải lo lắng như thế.

Xin hỏi mọi người, có ai lại không có tham sân si? Có ai mà không có vọng tưởng tạp niệm? Nếu bạn không có tham sân si, vọng tưởng tạp niệm thì bạn đã là A-la-hán rồi! Đức Phật A-di-đà hoàn toàn không vì cứu độ bậc A-la-hán. Ngài trải qua năm kiếp tư duy để phát ra lời thệ nguyện và trải qua nhiều kiếp tu hành, lẽ nào lại không có giá trị? Bản thân các vị A-la-hán có thể tự ra khỏi tam giới, lục đạo luân hồi, cần gì Đức Phật A-di-đà phải cứu độ? Cho nên, đối tượng mà Đức Phật A-di-đà muốn cứu độ chính là chúng sanh trong đời ác ngũ trược.

‘Ngũ trược’ nghĩa là ‘kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược’. Chúng sanh chúng ta xưa nay vốn là có kiến trược,

phiền não trước thì mới là phàm phu! Nếu chúng ta không có kiến trước, không có phiền não, không có tham sân si mạn nghi thì chúng ta đâu phải là phàm phu, mà không phải là phàm phu thì cũng không phải là đối tượng mà Đức Phật A-di-đà muốn cứu độ!

Thế nên, theo phương diện này thì chính vì chúng ta có phiền não nên mới hổ thẹn và vui vẻ niệm một câu danh hiệu A-di-đà Phật này; đồng thời, vì chúng ta có phiền não nên mới càng biết ơn sự cứu độ của Đức Phật A-di-đà.

Vì vậy, xin các liên hữu niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc, chớ nên thấy mình có phiền não, tạp niệm mà sanh tâm sợ hãi, thoái lui, cảm thấy mình không đủ tư cách vãng sanh rồi hoài nghi Đức Phật A-di-đà. Nếu nghĩ như vậy, thì chẳng khác gì cầm dao đâm vào ngực Đức Phật A-di-đà, khiến cho Ngài phải đau lòng mà rơi lệ. Đức Phật A-di-đà nhất định không bỏ rơi chúng ta, nên Ngài mới phát nguyện tu hành để cứu độ chúng ta. Chỉ cần chúng ta chuyên xưng danh hiệu A-di-đà Phật, nương vào sự cứu độ của

Ngài, bất kể tâm mình có thanh tịnh hay không thanh tịnh, công phu có đạt đến nhất tâm hay không, đều chẳng cần quan tâm.

(“Hai văn giải thích về kinh A-di-đà”
trong *Huệ Tịnh pháp sư giảng diễn*- tập 1, tr. 58-61)

VI. Ba đoạn văn nói về hai tầng nhân quả là yếu chỉ của *kinh A-di-đà*

1. Kinh văn

Bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc.

Văn thuyết A-di-đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật... nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn.

Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A-di-đà Phật, dữ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền.

Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh, A-di-đà Phật Cực Lạc quốc độ.

Không thể đem chút ít thiện căn, phước đức nhân duyên, mà được sanh về cõi nước kia.

Nghe nói về Đức Phật A-di-đà, rồi chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày... hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn.

Người ấy khi sắp mạng chung, Đức Phật A-di-đà cùng chư thánh chúng hiện ra trước mắt người ấy.

Người này khi mạng chung, tâm không điên đảo, liền được vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A-di-đà.

2. Tổ sư giải thích

Trong *Pháp sư tán Đại sư Thiện Đạo* giải thích đoạn kinh này như sau:

**Cực Lạc vô vi, Niết-bàn giới
 Tùy duyên tạp thiện, khùng nan sanh
 Cố sử Như Lai tuyển yếu pháp
 Giáo niệm Di-đà chuyên phục chuyên.
 Thất nhật, thất dạ tâm vô gián
 Trường thời khởi hạnh bội giai nhiên
 Lâm chung thánh chúng trì hoa hiện
 Thân tâm dưng dực tọa liên hoa.
 Tọa thời tức đắc vô sanh nhãn
 Nhất niệm nghinh tương chí Phật tiên**

Pháp lữ tương y cánh lai trước Chúng đắc bất thoái nhập tam hiền.

Nghĩa là:

*Cực Lạc là vô vi, Niết-bàn
Tùy duyên tạp thiện, khó vãng sanh
Cho nên Như Lai chọn pháp yếu
Dạy niệm Di-đà chuyên lại chuyên.
Bảy ngày, bảy đêm không gián đoạn
Hành trì lâu dài gấp bội thêm
Lâm chung thánh chúng mang hoa đến
Thân tâm hớn hở ngồi tòa sen.
Ngồi rồi liền đắc Vô sanh nhẫn
Một niệm liền sanh ở trước Phật
Pháp lữ cùng nhau mang y đến
Chúng được bất thoái, nhập tam hiền.*

3. Chú giải

3.1. Không thể đem chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi nước kia.

Đa số người ta đều cho rằng người tu hành cần phải phát tâm Bồ-đề, rộng tu lục độ vạn hạnh, hành thiện tích đức thì mới là đa thiện căn đa phước đức; mà không biết rằng, chỉ cần ‘chấp trì danh hiệu’ tức là đa thiện căn đa phước đức.

3.2. Chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn

Phần nhiều, người ta thường đem quan điểm của Thánh Đạo môn ra để xuyên tạc cái nghĩa chân thực ‘nhất tâm bất loạn’ của pháp môn Tịnh Độ, vốn là pháp môn đặc biệt. Họ cho rằng ‘nhất tâm bất loạn’, nghĩa là người niệm Phật phải đạt đến công phu sâu dày, chứng nhập tam-muội, hoặc phục đoạn phiền não. Mà họ không biết rằng ‘chấp trì danh hiệu’ chính là ‘tâm tin nhận Di-đà cứu độ, miệng xưng Di-đà danh hiệu’.

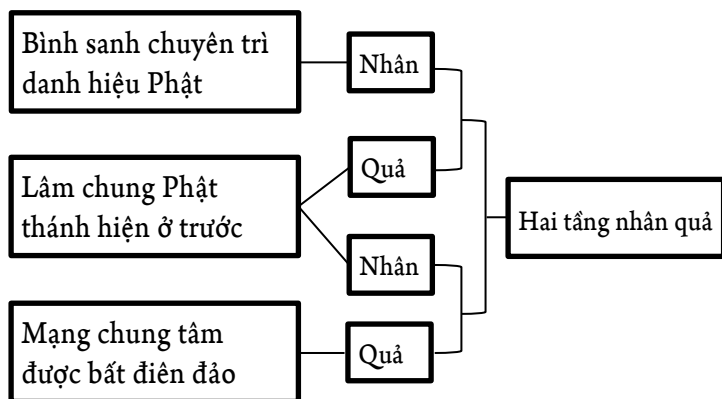
‘Nhất tâm’ nghĩa là ‘không có hai tâm’, không hai chính là ‘chuyên’; ‘bất loạn’ tức là ‘không tạp loạn’, không tạp loạn cũng là ‘chuyên’. Thế nên, Đại sư Thiện Đạo giải thích ‘chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn’ nghĩa là ‘niệm Phật Di-đà chuyên lại chuyên’.

Cho nên, bất luận người nào, chỉ cần suốt đời (hoặc một ngày, hoặc bảy ngày, cho đến mười niệm hoặc một niệm), chuyên niệm danh hiệu A-di-đà Phật, nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc, liền nhờ nguyện lực của Phật sẽ được vãng sanh, rất dễ hiểu, dễ thực hành mà không mấy may có nghĩa huyền diệu gì khác.

3.3. Người ấy khi mạng chung, tâm không điên đảo.

Đa số người ta đều cho rằng, khi mạng chung nhất định phải tự mình giữ được chánh niệm, tâm không điên đảo mới có thể cảm được Đức Phật A-di-đà hiện ra trước mắt tiếp dẫn vãng sanh, mà họ không biết rằng ‘vì Phật hiện ra trước rồi mới được chánh niệm, chứ chẳng phải được chánh

niệm rồi Phật mới hiện’. Nghĩa là ‘Đức Phật từ bi gia hộ khiến cho tâm ta không tán loạn’, bởi vì ‘Bình sanh chuyên trì danh hiệu Phật, khi lâm chung Phật nhất định hiện ở trước; vì Phật hiện ra rồi nên tự nhiên tâm được chánh niệm và không điên đảo’. Hai tầng nhân quả này trong kinh văn vốn đã phân minh, Tổ giải thích càng thêm rõ ràng, nếu tĩnh tâm suy nghĩ thì nghĩa ấy tự hiển hiện.



(“Yếu chỉ của kinh A-di-đà”
trong *Huệ Tịnh pháp sư giảng nghĩa*)

VII. Đối chiếu hai bản dịch *kinh A-di-đà*

Kinh Phật thuyết A-di-đà (Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập dịch)	Kinh Xưng tán Tịnh Độ Phật nhiếp thọ (Tam tạng Pháp sư Huyền Trang dịch)
Xá-lợi-phất	Xá-lợi-phất
Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân	Nếu các thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân có niềm tin thanh tịnh
Nghe nói đến Đức Phật A-di-đà	Được nghe công đức trang nghiêm của thế giới Cực Lạc và danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Thọ có vô lượng vô biên công đức, bất khả tư nghị như thế
Chấp trì danh hiệu	Nghe rồi suy nghĩ
Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày	Hoặc một ngày đêm, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, hoặc sáu, hoặc bảy
Nhất tâm bất loạn	Hệ niệm bất loạn
Người ấy	Thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân ấy
Khi sắp mạng chung	Khi sắp mạng chung

Đức Phật A-di-đà cùng chư thánh chúng	Đức Phật Vô Lượng Thọ cùng vô lượng đệ tử Thanh văn và chúng Bồ-tát câu hội
Hiện ở trước mặt người ấy	Trước sau vây quanh, đến đứng ở trước mặt người ấy
Người ấy khi mạng chung, tâm không điên đảo	Từ bi gia hộ, khiến cho đã bỏ thân mạng rồi, tâm không điên đảo
Liên được vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A-di-đà.	Theo chúng hội của Đức Phật, sanh về thế giới Cực Lạc thanh tịnh của Đức Phật Vô Lượng Thọ.
Dịch ý: Dựa vào ý nghĩa tiếng Phạn mà dịch thành tiếng Hoa Đặc điểm: (1) Thuận theo ngữ pháp tiếng Hoa (2) Thuận theo đặc tính đơn giản của người Trung Quốc (3) Nội dung tóm tắt, lời văn ngắn gọn.	Dịch thẳng: Dựa vào câu văn tiếng Phạn mà dịch thành tiếng Hoa Đặc điểm: (1) Thuận theo ngữ pháp tiếng Phạn (2) Không thuận theo đặc tính đơn giản của người Trung Quốc (3) Nội dung tỉ mỉ, lời văn rườm rà.

(“Yếu chỉ của kinh A-di-đà”
trong *Huệ Tịnh pháp sư giảng nghĩa*)

VIII. Chúng sanh trong biển khổ

Đại sư Đàm Loan là một người chân thật tu hành, trong phần đầu của kệ *Tán A-di-đà Phật*, ngài nói:

**Ngã tùng vô thí tuân tam giới
Vi hư vọng luân sở hồi chuyển
Nhất niệm nhất thời sở tạo nghiệp
Túc hệ lục đạo trệ tam đồ.**

Nghĩa là:

*Ta từ vô thí theo tam giới
Bị luân hồi hư vọng xoay chuyển
Mỗi giây mỗi phút đều tạo nghiệp
Đủ trói trong lục đạo, tam đồ.*

Đại sư Đàm Loan nói: “Ta từ vô thí đến nay đều tạo nghiệp trong tam giới”, nghĩa là bị luân hồi trong ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới, cho nên nói ‘Ta từ vô thí theo tam giới’.

‘Bị luân hồi hư vọng xoay chuyển’, tam giới nghĩa là lục đạo luân hồi, mà lục đạo luân hồi thì hư vọng không chân thật, nhưng chúng ta cứ thản nhiên ôm cái hư vọng cho là chân thật, nên một khi đã ở trong luân hồi rồi thì bị lưu chuyển không bao giờ ngừng nghỉ.

Mãi đến tận hôm nay, chúng ta vẫn ‘mỗi giây mỗi phút đều tạo nghiệp, đủ để trói buộc trong lục đạo, tam đồ’. Mỗi giây, mỗi phút cũng là tâm tâm niệm niệm, hiện tại tâm tâm niệm niệm đều tạo nghiệp. Tuy nói nghiệp có thiện nghiệp và ác nghiệp, nhưng ngài Đàm Loan nói, nghiệp này ‘đủ để trói buộc chúng ta trong lục đạo, tam đồ’ nghĩa là đều ở trong ba đường ác.

Ý của đoạn văn này nói, Đại sư Đàm Loan tự nhận mình là một phạm phu tạo tội, tạo nghiệp, nghiệp mà ngài đã tạo trong từng sát-na không phải là thiện nghiệp mà là nghiệp ở trong ba đường ác.

Đức Phật Thích-ca-mâu-ni nói: “Lục đạo là biển khổ”, ‘biển’ này rõ ràng là không bờ cũng

không đáy. Sự luân hồi trong lục đạo không có giới hạn cũng không có kết thúc. Chúng ta thường ‘trôi lên, hụp xuống’ trong lục đạo, trôi lên nghĩa là ở trong biển này thỉnh thoảng chúng ta được sanh làm người, chọt nhô đầu lên trong khoảng mấy hơi thở rồi lại chìm xuống.

Ngay cả Đại sư Đàm Loan cũng tự nhận mình là một chúng sanh ‘trôi lên, hụp xuống’ trong tam ác đạo, hưởng chi chúng ta! Ngài sống vào thời Nam Bắc Triều, vua Lương Vũ Đế phải hướng đến ngài đánh lễ và tôn xưng ngài là ‘Bồ-tát Loan’; vua của Bắc Triều, Bắc Ngụy thì tôn xưng ngài là ‘Thần Loan’. Người như vậy mà tự nhận mình là một chúng sanh tội ác thì hưởng gì chúng ta!

Chúng ta không có một chút năng lực, cơ hội nào để thoát khỏi lục đạo, vì thế, nếu không có Đức Phật A-di-đà đã vì chúng ta mà phát ra điều nguyện thứ mười tám thì chúng ta sẽ vĩnh viễn bị luân hồi trong lục đạo không có ngày ra khỏi.

Chúng sanh khởi tâm động niệm như thế nào?
Kinh Tịnh Độ Bồ-tát nói:

**Nhất nhân nhất nhật trung
Bát ức tứ thiên niệm
Niệm niệm chi sở vi
Giai thị tam đồ nghiệp.**

Nghĩa là:

*Một người trong mỗi ngày
Tám vạn bốn nghìn niệm
Hành vi trong mỗi niệm
Đều là nghiệp tam đồ.*

Mỗi người trong một ngày có bao nhiêu ý niệm? Có tám vạn bốn nghìn ý niệm, đây không phải là con số mà là một thứ biểu pháp, cũng có nghĩa là vô lượng vô biên số ý niệm không thanh tịnh. Hành vi của những ý niệm này không phải giúp cho chúng ta được sanh làm người, sanh lên thiên đường hay thoát ly lục đạo luân hồi, mà trái lại đều là tạo nghiệp trong tam đồ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Tâm niệm của chúng ta rõ ràng là như vậy, nghĩ đến mà kinh hoàng, cho nên, *kinh Địa Tạng* nói:

**Nam Diêm-phù-đề chúng sanh, cử chỉ
động niệm, vô bất thị nghiệp, vô bất thị
tội.**

*Chúng sanh trong cõi nam Diêm-phù-đề, cử
chỉ động niệm không gì chẳng phải là nghiệp,
không gì chẳng phải là tội.*

Nghĩa là, chúng ta khởi tâm động niệm, tất cả ngôn ngữ, hành vi của ba nghiệp thân khẩu ý đều là nghiệp, đều là tội.

Kinh Địa Tạng lại nói:

**Nghiệp lực thậm đại, năng địch Tu-di,
năng thâm cự hải, năng chướng thánh
đạo.**

*Nghiệp lực rất lớn, có thể sánh với núi Tu-di,
có thể sâu rộng như biển, có thể làm chướng
ngại thánh đạo.*

Nghiệp lực của chúng sanh ‘có thể sánh bằng núi Tu-di’, Tu-di là ngọn núi cao nhất trong vũ trụ, nhưng nghiệp tội của chúng ta so với núi Tu-di còn cao hơn; ‘sâu rộng như biển’, đại hải là sâu nhất, nhưng tội nghiệp của chúng ta so với đại hải còn sâu hơn. Như vậy, nếu Đức Phật A-di-đà không phát ra lời thệ nguyện ‘nếu Ta thành Phật..’ thì chúng ta vĩnh viễn phải chịu luân hồi trong ba cõi sáu đường.

‘Ba cõi’ này Đại sư Đàm Loan miêu tả như thế nào? Ngài nói: ‘Ba cõi là hư giả, là nhiễm ô, là điên đảo, là phá hoại, là luân hồi, là vô cùng’.

Nghĩa là nhân và quả của chúng sanh trong ba cõi đều hư giả, không chân thật; đều là nhiễm ô, không thanh tịnh; đều là điên đảo, không phải là chánh tri chánh kiến; đều là phá hoại, mỗi niệm thay đổi vô thường, không tồn tại vĩnh hằng.

Hơn nữa, một khi đã luân hồi thì không đọa vào địa ngục cũng làm ngã quỷ hay súc sanh không bao giờ cùng tận, điều này thật khủng khiếp.

Lại nói, ‘phàm phu bị sanh tử lưu chuyển trong nhà tối tam giới’, tam giới giống như ngôi nhà rộng nhưng vô cùng tối tăm, không có một chút ánh sáng nào. Ý muốn nói, phàm phu chúng ta ở trong ba cõi sáu đường thường mê mà không giác.

Lại nói, ‘tam giới đều do tà đạo hữu lậu sanh ra, là giấc mộng dài không biết khi nào tỉnh’, chúng ta vĩnh viễn ở trong đó không biết khi nào mới ra khỏi, luân chuyển trong ba cõi, nếu không gặp được Phật pháp, hoặc gặp Phật pháp nhưng không gặp được pháp môn cứu độ của Đức Phật A-di-đà, thì vĩnh viễn ở trong nhà tối tam giới, trong lục đạo như giấc mộng lớn không thể nào thoátkhỏi.

(Nghĩa của điều nguyện thứ mười tám-

Ngày 20 tháng 3 năm 2005)

Phần III.

Hành đạo không khó



I. Đạo khó hành và đạo dễ hành

Căn cơ của chúng sanh có muôn vàn sai khác, nên trên lộ trình tiến tu đến địa vị bất thoái chuyển cũng có rất nhiều pháp môn. Trong *Dị hành phẩm*, Bồ-tát Long Thọ đem tất cả pháp môn tu để đạt đến bất thoái chuyển chia ra thành đạo khó hành và đạo dễ hành.

Đạo khó hành thì hoặc là hoàn toàn dựa vào sức mình, hoặc là tu hành một nửa tha lực, một nửa tự lực.

Đạo dễ hành là chỉ cho pháp môn tu hành được Đức Phật A-di-đà cứu độ của tông Tịnh Độ, mà Bồ-tát Long Thọ đã nhấn mạnh đó là đạo dễ hành, nghĩa là hoàn toàn dựa vào tha lực. Tha lực ở đây là chỉ riêng cho sức cứu độ của Đức Phật A-di-đà, vì vậy, đạo dễ hành có thể nói là hoàn toàn nương vào sức của Đức Phật A-di-đà, không có mảy may nào là sức của mình.

Ví dụ như có một người không biết bơi, chẳng may bị rơi xuống biển, không có cách nào sang được bờ bên kia. Anh ta vùng vẫy, đau khổ, sắp chết chìm trong gang tấc, thì bỗng Đức Phật A-di-đà chèo thuyền bản nguyện đến bên anh ta, Ngài nói:

- Người không có sức cũng không có ai cứu, nên nay Ta đến để cứu người.

Nói rồi, Đức Phật A-di-đà kéo anh ta lên thuyền đại nguyện. Người này không cần phải mua vé, cũng chẳng cần phải phụ giúp người lái một tay, mà lại mau chóng sang được bờ bên kia một cách an toàn, nên Bồ-tát Long Thọ thí dụ đây là pháp môn ‘đi thuyền’.

Ở nước Ngụy, nước Tấn thời đại Nam Bắc Triều, có một vị Tổ sư của tông Tịnh Độ là Đại sư Đàm Loan, ngài cũng kế thừa tư tưởng của Bồ-tát Long Thọ. Bồ-tát Long Thọ cho rằng đạo dễ hành là pháp môn đi thuyền, nghĩa là nhờ ngồi trên thuyền, cho nên mau tới mà không bị thoái lui. Còn ngài ví đạo khó hành giống như đi bộ, nghĩa là dùng sức của mình để tự đi.

Ý nghĩa của việc đi thuyền, là dù bản thân có sức lực nhưng trên suốt lộ trình cũng không cần sử dụng. Huống hồ, bản thân không có một chút sức lực nào nên mới bị đọa lạc, thì nhất định phải nhờ vào sức cứu độ của Đức Phật A-di-đà.

Nội dung chủ yếu của *Dị hành phẩm* là hỏi đáp về đạo khó hành và đạo dễ hành, để nói rõ về đạo dễ hành. Sau đó, chỉ hỏi đáp về đạo dễ hành, nhờ đó hiển bày trọn vẹn tư tưởng của Bồ-tát Long Thọ:

**Vấn viết: Chí A-duy-việt-trí địa giả,
hành chư nan hạnh, cứu nãi khả đắc,
hoặc đọa Thanh văn, bích chi Phật địa.
Hoặc nhĩ giả, thị đại suy hoạn...**

**Nhược chư Phật sở thuyết, hữu dị hành
đạo, tật đắc chí A-duy-việt-trí địa phương
tiện giả, nguyện vị thuyết chi.**

Hỏi: Người tu hành muốn đắc A-duy-việt-trí, phải trải qua thời gian lâu dài, làm những hạnh khó làm mới có thể chứng đắc, hoặc rơi vào hàng Thanh văn hay Bích chi Phật, nếu như vậy thì thật là một điều đáng lo lắng...

Như chư Phật đã dạy, có đạo dễ hành, là phương tiện mau chóng đắc A-duy-việt-trí, cúi xin Ngài hãy chỉ dạy cho chúng con được biết.

(“Phán định về hai đường khó và dễ”
trong Huệ Tịnh Pháp sư giảng diễn-tập 1, tr. 99-101)

II. Môn Thánh Đạo và môn Tịnh Độ

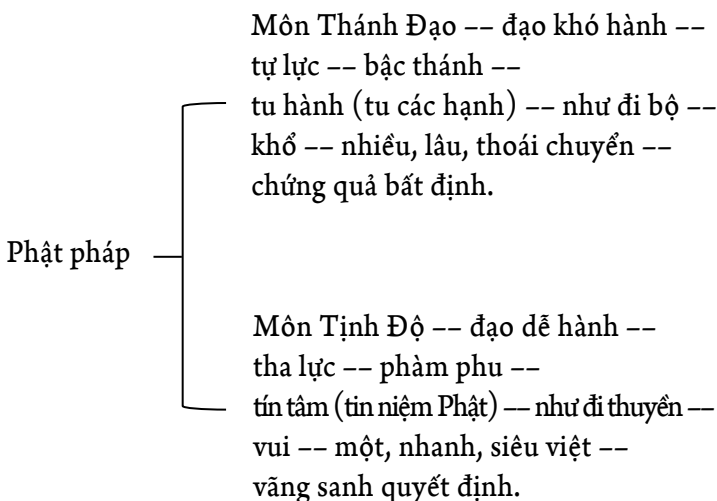
Phật pháp là Bồ-tát đạo	}	Đạo khó hành -- siêng tu tinh tấn -- nhiều, lâu, thoái chuyển -- đi bò -- khổ.
		Đạo dễ hành -- dễ hành mau đến -- một, nhanh, chắc chắn -- đi thuyền -- vui.

Bồ-tát Long Thọ nói: ‘Phật pháp có vô lượng pháp môn’, lại nói ‘Bồ-tát đạo cũng như vậy’, cho nên nói ‘Phật pháp chính là Bồ-tát đạo’. Nhưng bất luận là Phật pháp hay Bồ-tát đạo, cũng đều có thể chia thành hai môn là đạo khó hành và đạo dễ hành.

Nội dung của đạo khó hành giống như đi bằng chân trên đường bộ, trên hành trình đi thì rất cực khổ, là ‘nhiều’, là ‘lâu đến’, là ‘thoái tâm’, nhất định phải siêng năng tinh tấn, không những phải trải qua nhiều kiếp tu tập các thứ pháp môn, mà còn có thể bị thoái chuyển.

II. Môn Thánh Đạo và môn Tịnh Độ

Đặc biệt, đạo dễ hành thì không phải như vậy, giống như đi đường thủy, ngồi trên thuyền, rất thoải mái, không những rất ‘dễ đi’ mà lại ‘mau đến’, là ‘một’, là ‘nhanh’, là ‘chắc chắn’. ‘Một’ nghĩa là chỉ cần chuyên ‘nhất’ xưng niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà mà không cần phải nhờ vào các công đức khác để hồi hướng, chỉ cần nhất hướng chuyên xưng A-di-đà Phật là đủ rồi; hơn nữa, kết quả lại ‘nhanh chóng’, thành tựu ngay trong hiện tại, đồng thời ‘chắc chắn’ vãng sanh 100% không còn bị thoái chuyển.



Bồ-tát Long Thọ đem toàn bộ giáo pháp của Đức Phật chia thành hai môn là ‘đạo khó hành’ và ‘đạo dễ hành’, Đại sư Đàm Loan tiến thêm một bước, phân tích thành ‘tự lực’ và ‘tha lực’. Kế đến, đệ tử của Đại sư Đàm Loan là Đại sư Đạo Xước tiếp tục phân ra thành ‘môn Thánh Đạo’ và ‘môn Tịnh Độ’. Đại sư Đạo Xước cho rằng, môn Thánh Đạo nhất định phải thuộc căn cơ bậc thánh mới có thể tu hành, còn môn Tịnh Độ thì không nhất định phải là căn cơ bậc thánh, mà chúng sanh chỉ cần tin nhận Di-đà cứu độ, chuyên xưng Di-đà Phật danh, nguyện sanh Di-đà Tịnh Độ thì sẽ được vãng sanh về cõi Tịnh Độ của Đức Phật A-di-đà và thành Phật.

Tóm lại, toàn bộ Phật pháp có thể chia làm hai môn: Môn Thánh Đạo và môn Tịnh Độ. Môn Thánh Đạo là đạo khó hành, nó thuộc về tự lực, chỉ căn cơ bậc thánh mới có thể tu được. Luận về tu hành là phải tu như thế nào? Nghĩa là giống như đi bộ, cho nên ‘là khổ, là nhiều, là lâu, là thoái lui’, đã có thoái chuyển thì việc chúng quả bất định.

Còn môn Tịnh Độ thì thế nào? Là đạo dễ hành, là tha lực, tất cả phàm phu đều có thể tu được, nghĩa là nói tâm tin vào pháp môn cứu độ, tin như thế nào? Tin vào pháp môn niệm Phật, chuyên nhất niệm Phật thì giống như đi đường thủy nhờ thuyền, cho nên 'là vui, là duy nhất, là nhanh, là chắc chắn' mà vãng sanh quyết định.

Môn Thánh Đạo và môn Tịnh Độ đều là Phật pháp, đạo khó hành và đạo dễ hành cũng là Phật pháp, tự lực và tha lực cũng đều là Phật pháp; cho nên, chúng ta không thể nói rằng phải dững mãnh tinh tấn tu hành mới là Phật pháp, còn ung dung thoải mái niệm Phật thì không phải là Phật pháp; quan niệm này không đúng.

Thông thường, đa số tín đồ Phật giáo đều so sánh và sùng kính những bậc tu hành khổ hạnh. Họ cho rằng, học Phật quý ở tu hành khổ hạnh, cho nên người có trải qua tu khổ hạnh mới được đại chúng tin phục; còn các ông già bà lão là những người không biết chữ, chẳng qua chỉ mấp máy môi niệm Phật, như thế thì có gì là quý?

Thậm chí có người còn hoài nghi: Chẳng lẽ đây cũng là Phật pháp ư?

Đây chẳng những đương nhiên là Phật pháp, mà còn là Phật pháp giúp hành giả thành tựu Phật quả mau chóng nhất. Thế nhưng, lại có lắm người xem thường người niệm Phật, họ cho rằng, ta là người có học vấn thế này, có thể thâm nhập kinh tạng; tinh tấn thế kia có thể học đủ các pháp môn, chẳng lẽ ta lại giống như các ông già bà lão suốt ngày chỉ niệm một câu ‘Nam-mô A-di-đà Phật’ thôi sao?

Chính vì có thiên chấp này, nên mới sanh tâm kiêu mạn, nếu tình trạng cứ như vậy thì như trong *kinh Vô Lượng Thọ* nói: “khó mà tin được pháp môn này”.

(“Phán định về hai đường khó và dễ”
trong *Huệ Tĩnh Pháp sư giảng diễn-tập 1*, tr. 139-142)

III. Môn Thánh Đạo là giáo pháp tu hành tự lực

Phật
pháp

Môn Thánh Đạo -- giáo pháp ‘tu hành’ tự lực, đời đời kiếp kiếp ở trong lục đạo không mất thân người, tu lục độ vạn hạnh để chứng quả; bậc thánh mới có thể tu cho nên gọi là ‘khó’.

Môn Tịnh Độ -- giáo pháp ‘tín tâm’ tha lực, lúc này, đời này ở tại thế giới Ta-bà nhất hướng niệm Phật, vãng sanh về cõi Tịnh Độ Cực Lạc để chứng quả; phàm phu đều tu được, cho nên gọi là ‘dễ’.

Môn Thánh Đạo là giáo pháp ‘tu hành tự lực’, hoàn toàn dựa vào khả năng và sức lực của mình, đời đời kiếp kiếp ở trong lục đạo không mất thân người, tu hành lục độ vạn hạnh để chứng quả, nhưng giáo pháp này chỉ căn cơ bậc thánh mới có thể tu hành nổi, cho nên gọi là ‘khó’. Còn môn Tịnh Độ là giáo pháp ‘tín tâm tha lực’, đời này, lúc này ở thế giới Ta-bà, nhất hướng niệm Phật, vãng

sanh về Tịnh Độ Cực Lạc để chứng quả, giáo pháp này phàm phu ai cũng tu được, cho nên gọi là ‘dễ’.

Nói cách khác, nếu phải tu hành theo môn Thánh Đạo thì trước hết bạn phải có đầy đủ căn cơ của bậc thánh, phải xác định được mục tiêu trọng yếu, nếu đời này bạn không thể thành tựu đạo nghiệp thì cũng phải được thân người trở lại. Hơn nữa, phải có nhân duyên liên tục, nếu cả đời bạn không thành tựu đạo nghiệp thì vẫn phải tiếp tục tu hành, phải có bản lĩnh như thế, nếu không thì miễn bàn, bởi vì, chính bạn cũng không biết đời này bạn sẽ đi đâu! Nhưng thường thường chạy không thoát cái gọi là ‘tam thế oán’, nghĩa là đời này bạn học Phật, bố thí, tích lũy rất nhiều công đức, đời sau được hưởng thụ phú quý, nhưng trong khi hưởng lạc, bất tri bất giác tạo ác, đời thứ ba sẽ đọa lạc. Vì vậy, Đức Phật Thích-ca-mâu-ni thuyết pháp dạy chúng ta hành thiện tích đức không phải để cầu sanh lên trời hay làm người hưởng phước, hoàn toàn không phải như vậy! Ngài dạy chúng ta phải hồi hướng, khi lâm chung được vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

(“Phán định về hai đường khó và dễ”
trong *Huệ Tịnh Pháp sư giảng diễn-tập 1*, tr. 143-144)

IV. Môn Tịnh Độ là giáo pháp tín tâm tha lực

Môn Thánh Đạo và môn Tịnh Độ không giống nhau, môn Tịnh Độ là giáo pháp tín tâm tha lực, là chỉ cho nguyện lực của Đức Phật A-di-đà. ‘Tín’, nghĩa là tin sự thật tồn tại một cách khách quan, vì nếu không có sự thật tồn tại khách quan bên ngoài, thì tín ngưỡng của chúng ta chỉ là trống rỗng, chỉ là nói suông!

Sự tồn tại của thế giới Cực Lạc và Đức Phật A-di-đà là sự thật khách quan mà Đức Phật Thích-ca bảo chứng cho chúng ta. Vì thế, sự tồn tại của Đức Phật A-di-đà là căn nguyên tín tâm của chúng ta, chúng ta chỉ cần tin lời Phật nói, không cần phải tính toán hay dẫn đo gì, tự nhiên, thật thà tin tưởng không nghi ngờ, không lo lắng, lập tức tiếp nhận được sự cứu độ của Đức Phật A-di-đà.

Như trăng sáng trên bầu trời chiếu xuống nước thì có bóng trăng hiện ra, bóng trăng không phải do nước sanh ra, chỉ cần có trăng thì mặt nước ảnh hiện ra bóng trăng, không phải nhờ phương tiện mới sanh, hồ to cũng được, chén nhỏ cũng được, chỉ e rằng bạn lấy nắp vung mà che các đồ đựng nước lại, bằng không thì chẳng có gì phải bàn, nghìn dòng sông có nước thì nghìn dòng sông đều có bóng trăng. Cũng vậy, chỉ cần chúng ta bằng lòng tiếp nhận sự cứu độ của Đức Phật A-di-đà, thì trong tâm mỗi người đều có công đức của Ngài, Đức Phật A-di-đà ở cùng một chỗ với chúng ta, cùng ra cùng vào, cùng ngủ cùng thức, cùng công tác và mãi mãi bảo hộ chúng ta. Thế nhưng, nếu chúng ta đem tâm thủy của mình che kín lại, hoài nghi: “Làm gì có Đức Phật A-di-đà? Làm gì có thế giới Cực Lạc? Đâu có chuyện dễ dàng như thế? Thiên hạ đâu có chuyện ăn bánh không phải trả tiền!”. Nói những lời như vậy là tự đánh mất lợi ích lớn.

Giống như mặt trời chiếu khắp đại địa, chiếu cả cây to lẫn cây nhỏ, chiếu cả người xuất gia lẫn người tại gia, chiếu cả người tu hành lẫn người

không tu hành. Thế nhưng, nếu bạn tự mình trốn tránh, ẩn náu ở trong động hay trong nhà thì bạn không thể tiếp xúc được với ánh mặt trời. Cho nên, pháp môn Tịnh Độ này là giáo pháp ‘tín tâm tha lực’, nghĩa là ở ngay trong đời này, lúc này, tại thế giới Ta-bà này ‘tin tưởng niệm Phật chắc chắn vãng sanh’ và ‘nhất hướng niệm Phật’, thì lâm chung sẽ được vãng sanh về thế giới Cực Lạc, chúng quả vị.

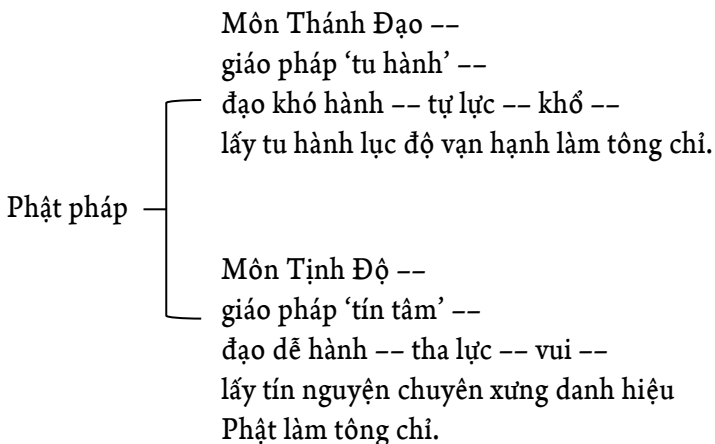
‘Nhất hướng’ nghĩa là không có hai hướng, ba hướng, không phải hôm nay niệm Phật, ngày mai lại niệm cái khác, nếu tâm tư không nhất định, nay tu pháp này, mai lại tu pháp khác thì không phải là nhất hướng. Nhất hướng là từ khi mới bắt đầu phát tâm, liên tục cho đến lúc vãng sanh đều không thay đổi, mới là nhất hướng niệm Phật. Người thật sự tin Phật thì luôn nhất hướng niệm Phật, lâm chung được vãng sanh về cõi Tịnh Độ Cực Lạc để chúng quả vị.

Ý của câu văn trên là: Môn Tịnh Độ không yêu cầu người niệm Phật phải ở thế giới Ta-bà này chúng quả vị, mà là về thế giới Cực Lạc rồi mới

chúng quả vị. Còn tu theo môn Thánh Đạo thì bắt buộc người tu hành phải ở ngay thế giới Ta-bà này chúng quả vị, đời này không thành tựu thì đời sau trở lại, đời sau nếu không thành tựu thì đời sau nữa trở lại tiếp tục tu hành, liên tục cho đến khi chúng quả.

Chúng ta không làm được như vậy, nghĩ đến con đường phải trải qua nhiều đời nhiều kiếp khổ tu 'là nhiều, là lâu, là thoái chuyển' của đạo khó hành mà bản thân thì hoàn toàn không có một chút năng lực nào. Hơn nữa, nghĩ đến Đức Phật A-di-đà đã chuẩn bị đầy đủ cho chúng ta rồi, về đến thế giới Cực Lạc rồi mới chúng quả vị, việc này thì mọi người, thiện, ác, phàm phu, ai ai cũng có thể làm được.

Tóm lại, giáo pháp tu hành theo môn Thánh Đạo trong Phật pháp là đạo khó hành, là tự lực, là khổ, là lấy việc tu hành lực độ vạn hạnh làm tông chỉ; còn môn Tịnh Độ là giáo pháp tín tâm, là tin Phật, là đạo dễ hành, là tha lực, là vui, là lấy tín nguyện chuyên xưng danh hiệu Phật làm tông chỉ.



(“Phán định về hai đường khó và dễ”
trong *Huệ Tịnh Pháp sư giảng diễn-tập 1*, tr. 144 -147)

V. Lời của Đại sư Thiện Đạo được chứng thật

Đại sư Thiện Đạo (613-681) sống vào đời Đường, ở chùa Tây Kinh thuộc đất Trường An, đã từng cùng với pháp sư Kim Cang so sánh niệm Phật xem hơn kém ra sao. Đại sư Thiện Đạo ngồi lên tòa cao phát nguyện:

“Y cứ vào rất nhiều kinh điển Đại thừa của Đức Phật nói: Niệm Phật được vãng sanh Tịnh Độ. Bất luận là người lúc bình thường học Phật, cả đời niệm Phật hay là người mới chỉ niệm Phật được mấy ngày, thậm chí là người lúc sắp chết mới biết niệm Phật, chỉ niệm được mười tiếng, hoặc một tiếng A-di-đà Phật, nương vào Phật lực đều nhất định được vãng sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc.

Nếu lời nói này là chân thật, tuyệt đối không lừa dối chúng sanh thì xin cho toàn bộ tượng Phật trong chùa đều phóng ánh sáng để làm chứng. Nếu pháp môn niệm Phật này là giả dối, chẳng qua là chư Phật nói những lời dụ dỗ để đánh lừa

chúng sanh, chứ thực ra đều không thể vãng sanh Tịnh Độ. Nếu như vậy thì Đại sư Thiện Đạo tôi lập tức đọa vào đại địa ngục ngay ở trên tòa này, chịu đau khổ vĩnh viễn không có ngày ra khỏi”.

Sau khi nói lời ấy xong, Đại sư Thiện Đạo cầm gậy Như Ý chỉ vào các tượng Phật trong chùa, lập tức sự việc bất khả tư nghị đã diễn ra, đó là toàn bộ tượng Phật đều phóng ánh sáng lớn.

(*Niệm Phật kính do*
Đạo Kính và Đại sư Thiện Đạo biên tập vào đời Đường)

(“Lợi ích thù thắng của việc niệm Phật”
trong *Niệm Phật cảm ứng lục*- tập 1, tr. 70)

PHẦN PHỤ

A decorative flourish consisting of symmetrical, flowing scrollwork and floral motifs, centered below the text.

Mười điều tâm niệm của người niệm Phật

1. Cung kính tín thuận Di-đà; quan tâm yêu thương giúp đỡ người khác; đối với bản thân thì khiêm hạ, nhu hòa.
2. Giữ luân thường đạo lý, hết lòng làm tròn bổn phận, bỏ việc tà vạy, giữ lòng chân thành; phụng sự việc công, tuân thủ pháp luật, làm người dân lương thiện.
3. Tự biết mình là kẻ ngu si, tội ác hơn người khác; không có một chút tư cách để đánh giá người khác.

Chẳng nói thị phi, chẳng nghe thị phi, chẳng truyền đạt thị phi, chẳng so sánh thị phi.

Chẳng tìm lỗi người, chẳng nói lỗi người, chẳng kể việc riêng tư của người, chẳng tranh nhân ngã.

Chẳng trái nhân quả, chẳng ôm lòng oán hận, chẳng có tâm giả dối, dua nịnh.

4. Kính yêu hòa thuận với lục thân quyến thuộc, tôn sùng đức hạnh, phát tâm nhân từ, thích tu kính nhường.

Vẻ mặt hiền hòa, lời nói dịu dàng, vui vẻ mỉm cười, thương tưởng chúng sanh, ân cần với người.

Khiêm hạ cung kính, chẳng khởi tâm kiêu mạn, thường thấy hổ thẹn, muốn báo đáp ân Phật.

5. Giúp người an tâm, giúp người vui vẻ, giúp người hy vọng, giúp người lợi ích.

Xử sự với lòng chân thật, với lòng yêu thương, với lòng biết ơn, với lòng cung kính.

Xử sự phải nắm lấy nguyên tắc căn bản, đồng thời phải khéo biết chừng mực.

Xử sự đứng trên lập trường của đối phương để dễ thông cảm tha thứ.

Xử sự phải tự mình cam chịu thiệt thòi, không so đo tính toán.

6. Học tâm đại bi của Phật, Phật A-di-đà đối với ta như thế nào thì ta đối với người khác cũng như thế ấy.

7. Sinh hoạt phải giản đơn, chân chất thật thà.

Nói năng phải thành khẩn, hòa nhã.

Oai nghi phải khoan thai, không vội vàng hấp tấp.

8. Chối tội, cướp công là hành vi của kẻ tiểu nhân; giấu tội, khoe công cũng là việc bình thường của mọi người.

Nhường điều tốt đẹp, công lao cho người là hạnh của người quân tử.

Chia sẻ điều xấu của người, cùng gánh lấy lỗi lầm với người dù mình không phạm để cho người giảm bớt áp lực là điều mà người có đức hạnh sâu dày phải làm.

9. Quy luật vận hành của trời đất (luật nhân quả), kẻ kiêu mạn tự mãn thì bị tổn phước, người khiêm tốn thì được giúp cho càng đầy đủ.

Trời đất, quý thần và mọi người đều ghét kẻ kiêu ngạo tự mãn thì kẻ ấy làm sao không bị tai họa? Người khiêm hạ tích đức được trời đất, quý thần và mọi người ủng hộ thì làm sao mà không phát đạt và hưởng được nhiều phước?

10. Người ở địa vị thấp hèn muốn hiển đạt, trước tiên phải làm cho người khác cảm nhận rằng người ấy có đức khiêm hạ. Vì người ấy có đức khiêm hạ, mới có thể nhận lãnh những lời dạy hay, cho nên người ấy được lợi ích vô cùng.

(Pháp sư Huệ Tĩnh soạn)

SÁCH TÙY THÂN – HỆ GIÁO NGHĨA

MÃ SÁCH 編 號	TÊN SÁCH 書 名
BT01	TÔNG CHỈ TÔNG TỊNH ĐỘ 淨土宗宗旨
BT02	MỤC ĐÍCH CỦA ĐỜI NGƯỜI 人生之目的
BT03	TIẾNG GỌI CỦA ĐỨC PHẬT A-DI-ĐÀ 彌陀的呼喚
BT04	NIỆM PHẬT CHẮC CHẴN VẮNG SANH 念佛必定往生
BT05	NIỆM PHẬT MỘT MÔN THÂM NHẬP 念佛一門深入

